TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/HNGĐ-ST
Ngày 17/8/2023
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà: Không

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm 1976

Bị đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1980.

Đều trú tại: thôn X, xã P, huyện T1, tỉnh B.

(Anh V, chị T đều có đơn xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, đơn xin xử vắng mặt anh V trình bày:

Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã P, huyện T1, tỉnh B, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn tại tỉnh HT một thời gian rồi về xã P sinh sống. Quá trình chung sống đến năm 2018

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, tuy vẫn ở chung nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 17/10/1999 và Phạm Thị T2, sinh ngày 06/02/2001, hiện nay các con chung đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận xong về tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xử vắng mặt, chị Thơm trình bày: Chị và anh V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã P, huyện T1, tỉnh B, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn tại địa phương. Vợ chồng sinh sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, nay anh V xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 17/10/1999 và Phạm Thị T2, sinh ngày 06/02/2001, hiện nay các con chung đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh V tự thỏa thuận xong về tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án gửi, do công việc của chị làm công nhân, ngày làm việc không thể nghỉ được nên không thể đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và phiên tòa, chị có đơn đề nghị Tòa án xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Các đương sự đều đề nghị xử vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh V và chị T là hợp pháp,

trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng anh Vịnh và chị Thơm đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho anh Vịnh được ly hôn chị T.

[3]. Về con chung: Anh V và chị T có 02 con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 17/10/1999 và Phạm Thị T2, sinh ngày 06/02/2001, hiện nay các con chung đã thành niên nên nên anh chị không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Anh V và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn V được ly hôn chị Phan Thị T.

2. Về con chung: Anh V và chị T có 02 con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 17/10/1999 và Phạm Thị T2, sinh ngày 06/02/2001, hiện nay các con chung đã thành niên nên nên anh chị không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng anh V đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0005288 ngày 04/4/2023 tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí, anh V đã nộp xong án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Anh V và chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thái Thụy.*
- *THADS huyện Thái Thụy.*
- *TAND tỉnh Thái Bình.*
- *UBND xã Thái Phúc*
- *Các đương sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Thế Tương